

Số: 50/2026/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 25 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách tín dụng và nội dung, mức chi từ nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được trong hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét Tờ trình số 688/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng và nội dung, mức chi từ nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được trong hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng và nội dung, mức chi từ nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được trong hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách tín dụng và nội dung, mức chi từ nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được trong hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; khoản 3, khoản 5, khoản 8 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi bằng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ

1. Đối tượng cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

a) Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác: Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương trình tín dụng, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Hộ gia đình cư trú hợp pháp (đăng ký thường trú hoặc tạm trú) tại các phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hộ gia đình hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa: Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Quyết định số 2553/QĐ-TTg về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng

chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Học sinh, sinh viên thường trú hợp pháp trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đăng ký tham gia chương trình du học vừa học vừa làm (Học sinh, sinh viên tham gia chương trình du học vừa học vừa làm phải học hết chương trình trung học phổ thông và trúng tuyển vào chương trình du học vừa học vừa làm ở nước ngoài):

Mức cho vay tối đa bằng 100% chi phí dịch vụ du học hợp pháp cần thiết theo từng khóa học và nước đến học, tối đa là 300.000.000 đồng/học sinh, sinh viên và không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

Lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2553/QĐ-TTg đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên.

Thời hạn cho vay: tối đa là 72 tháng.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro của các đối tượng tại điểm b, c khoản 1 Điều này thuộc nguyên nhân khách quan được quy định tại Điều 5 Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg được áp dụng biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng từ nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được trong hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; chi tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, tọa đàm, hội thảo về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

2. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ liên quan đến công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

3. Chi tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội và nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Chi tiếp và làm việc với các đoàn công tác đến để trao đổi kinh nghiệm, học tập mô hình liên quan đến công tác quản lý, kiểm tra, giám sát: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ. Chi tổ chức đoàn đi công tác để trao đổi kinh nghiệm, học tập mô hình liên quan đến công tác quản lý, kiểm tra, giám sát: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

5. Chi mua sắm, thuê, bảo trì, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, phương tiện phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng: Thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành có liên quan.

6. Chi làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến công tác chỉ đạo, quản lý, tham mưu, giúp việc, tổng hợp, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các quy định hiện hành có liên quan.

8. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn tài liệu, các chi phí hành chính và chi phí khác để phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và trong phạm vi nguồn kinh phí được trích lại, được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc quy chế quản lý, sử dụng khoản kinh phí được trích của cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được trích.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi bố trí từ nguồn vốn đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện nội dung và mức chi tại Điều 3 Nghị quyết này từ nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được trong hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật; không làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách nhà nước ngoài nguồn kinh phí được trích lại từ lãi thu được theo quy định.

3. Việc lập kế hoạch, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị nào do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó quyết định theo quy định của pháp luật và quy định có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

b) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, kịp thời trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, biện pháp xử lý rủi ro đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của thành phố.

2. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp nguồn vốn được giao cụ thể cho từng chương trình tín dụng chính sách bằng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) và thành phố Cần Thơ (cũ) nếu không còn đối tượng vay vốn, Sở Tài chính chủ trì rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh mục tiêu nguồn vốn theo quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công.

3. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định đối tượng

cho vay vốn hỗ trợ sản xuất từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang bổ sung Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định đối tượng cho vay vốn hỗ trợ sản xuất từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

4. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa XI, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 25 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đồng Văn Thanh